CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH ----------ꕥ----------	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------ꕥ----------

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
   - Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH
   - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102004703
   - Vốn điều lệ: 249.149.910.000 đồng
   - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 228.013.228.157 đồng
   - Địa chỉ: 1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
   - Số điện thoại: (84-024) 37727.292
   - Số fax: (84-4) 37667.708
   - Website: https://www.trananh.vn/tin-tuc/quan-he-co-dong
   - Mã cổ phiếu: TAG
   - Quá trình hình thành và phát triển:
     - Công Ty cổ phần Thế Giới số Trần Anh được chuyển đổi hình thức từ công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Trần Anh, được thành lập ngày 11 tháng 03 năm 2002 với trụ sở chính tại 34K phố Lý Nam Đế, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm với 5 nhân viên, diện tích 60 m2.
     - Tháng 8 năm 2007 chuyển đổi thành công từ hình thức công ty TNHH sang hình thức công ty cổ phần, Vốn điều lệ thực góp của Công ty là 20.000.000.000 đồng
     - Trong năm 2007, Công ty đã tiến hành phát hành cho CBCNV Công ty, đến ngày 08 tháng 11 năm 2007, Công ty đã góp đủ 29.456.910.000 đồng. Số liệu về vốn đầu tư của Chủ sở hữu nêu trên đã được xác nhận tại Báo cáo tài chính năm 2007 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và tư vấn Tài chính Kế toán – AFC.
     - Tính đến ngày 31/10/2008, việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2008 (ESOP 2008) đã hoàn tất. Công ty đã tiến hành sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đăng ký thay đổi lần 1, ngày 20 tháng 08 năm 2009) trong đó sửa đổi Vốn điều lệ Công ty lên 30.140.110.000 đồng theo đúng vốn điều lệ thực góp.
     - Tính đến ngày 18/09/2009, việc phát hành cổ phiếu thưởng năm 2009 đã hoàn tất. Công ty đã tiến hành sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đăng ký thay đổi lần 2, ngày 23 tháng 10 năm 2009) trong đó sửa đổi Vốn điều lệ Công ty lên 45.068.210.000 đồng theo đúng vốn điều lệ thực góp.
     - Ngày 12/01/2010, cổ phiếu của Công ty cổ phần Thế Giới số Trần Anh đã chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TAG. Theo đó, tổng giá trị cổ phiếu TAG được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội là hơn 45 tỷ đồng tương đương với 4,5 triệu cổ phiếu.
     - Năm 2012, Trần Anh lọt top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam
     - Năm 2013, mở rộng quy mô bằng khai trương 6 siêu thị điện máy mới, từ 4 siêu thị trong 2012 lên 10 siêu thị trong 2013. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho tập đoàn Nojima Nhật Bản. Công ty đã tiến hành thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đăng ký thay đổi lần 16 ngày 24 tháng 1 năm 2014) trong đó sửa đổi vốn điều lệ lên 130.515.960.000 đồng theo đúng vốn điều lệ thực góp.

- Năm 2014 mở rộng quy mô mở khai trương siêu thị điện máy mới nâng tổng số siêu thị lên 16 siêu thị trong năm 2014. Năm 2014 phát hành cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và đã tiến hành thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đăng ký thay đổi lần 19 ngày 15 tháng 7 năm 2014) trong đó sửa đổi vốn điều lệ lên 178.584.370.000 đồng theo đúng vốn điều lệ thực góp.
- Năm 2015 công ty tiếp tục mở rộng quy mô bằng việc mở rộng siêu thị trên các tỉnh miền Bắc và TTTM AEON Mall Long Biên nâng tổng số siêu thị lên 23 siêu thị năm 2015. Năm 2015 công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn và đã tiến hành thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đăng ký thay đổi lần 29 ngày 20 tháng 10 năm 2015) trong đó sửa đổi vốn điều lệ lên 226.594.320.000 đồng theo đúng vốn điều lệ thực góp.
- Tháng 01/2018, Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (HOSE: MWG) chính thức công bố thương vụ mua lại TAG và đến thời điểm 19/07 đã sở hữu hơn 24,6 triệu cp TAG, tương ứng với tỷ lệ 99,33% vốn điều lệ.
- Năm 2018 TAG nhận quyết định chuyển giao dịch gần 25 triệu cổ phiếu sang Upcom.
- Từ quý 4 năm 2018 đến nay, công ty chuyển đổi cơ cấu kinh doanh sang chủ yếu thực hiện hoạt động cho thuê, mặt bằng, văn phòng và thương hiệu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1 Ngành nghề kinh doanh:

Cho thuê mặt bằng, kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

2.2 Địa bàn kinh doanh:

Hiện tại, công ty đang cấp quyền sử dụng thương hiệu và cho Công ty Cổ Phần Thế Giới Di Động thuê mặt bằng để kinh doanh siêu thị điện máy tại Thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố ở Miền Bắc, Miền Trung.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1 Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị theo điểm a, Điều 137, Luật Doanh Nghiệp bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

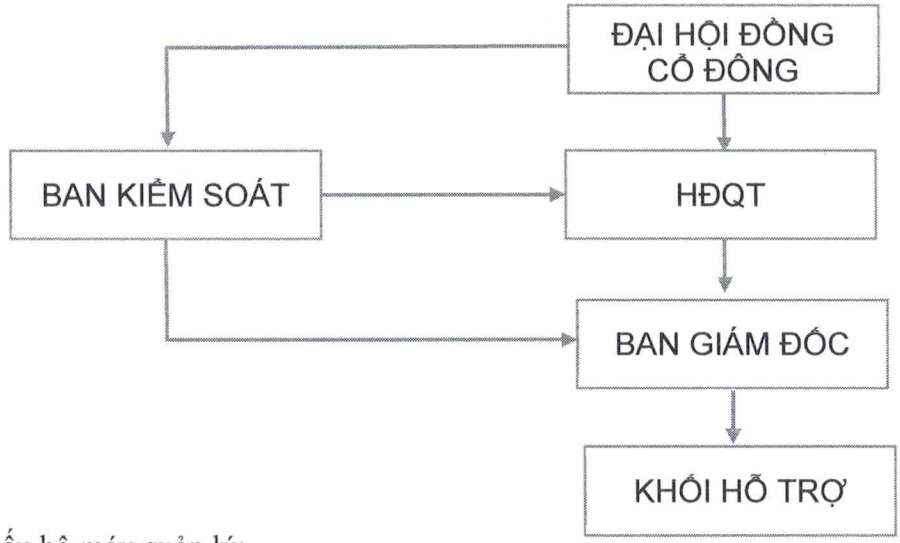

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Danh sách Hội Đồng Quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT - Ông Trần Kinh Doanh

+ TV HĐQT - Ông Nguyễn Đức Tài

+ TV HĐQT - Ông Trần Huy Thanh Tùng

+ TV HĐQT - Ông Đặng Minh Lượm

+ TV HĐQT - Ông Đặng Hoàng Anh Chiến

- Danh sách Ban kiểm soát:
  + Trưởng ban Kiểm soát - Ông Hoàng Hữu Hưng
  + Thành viên - Bà Đỗ Thị Loan
  + Thành viên - Ông Lâm Mạnh Quân
- Danh sách Ban điều hành:
  + Tổng Giám đốc – Ông Đặng Hoàng Anh Chiến
  + Giám đốc Tài chính - Ông Vũ Đăng Linh
  + Kế toán trưởng - Bà Võ Thị Phương Thảo
- Người được ủy quyền công bố thông tin - Ông Trần Huy Thanh Tùng

3.3 Các công ty con/công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:
   - Công ty sử dụng lợi thế mặt bằng kinh doanh lớn để cho thuê lại hoặc hợp tác với Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và/hoặc bên thứ 3, bảo đảm tổng doanh thu cho thuê lại hoặc hợp tác cao hơn tổng giá thuê.
   - Công ty cấp quyền sử dụng thương hiệu "Trần Anh" cho Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động thuê lại để kinh doanh chuỗi bán lẻ điện máy và trả phí sử dụng thương hiệu.

5. Rủi ro:
   - Rủi ro bị trả mặt bằng kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động kinh doanh
   - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Chỉ tiêu	Năm 2021 (đồng)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Năm 2020 (đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu thuần về bán hàng	128.584.000.732	98,9%	129.262.825.336	-0,5%
Giá vốn hàng bán	(126.954.332.590)		(128.021.482.485)	
Lợi nhuận gộp	1.629.668.142		1.241.342.851	
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.076.062.977		11.919.844.929	

(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	14.219.012.172	113,8%	12.082.585.326	+17,7%

- Kết thúc năm 2021, công ty ghi nhận doanh thu 128,6 tỷ đồng đến từ hoạt động cho thuê mặt bằng, văn phòng và thương hiệu. Lợi nhuận ròng cả năm 2021 ghi nhận hơn 14,2 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 17,7% so với năm 2020 chủ yếu nhờ lãi tiền gửi tăng mạnh giúp doanh thu tài chính tăng 16,7% so với năm 2020.

2. Tổ chức và nhân sự:
   - Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết TAG
1	Ông Đặng Hoàng Anh Chiến	Tổng giám đốc	1985	Cử nhân	11/04/2019	0%
2	Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	1975	Thạc sĩ Kinh tế	15/01/2018	0%
3	Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	1983	Cử nhân ngành kế toán – kiểm toán	15/01/2018	0%

- Trong năm 2021, TAG không có thay đổi đáng kể nào trong ban điều hành.
- Chính sách đối với người lao động: Chính sách phúc lợi cho dành cho cho tất cả nhân viên ký Hợp đồng lao động chính thức với TAG đảm bảo đúng theo luật quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:
   Công ty không có các khoản đầu tư lớn nào hay các công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính
   4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
Tổng giá trị tài sản	258.789.475.198	247.003.548.048
Doanh thu thuần	128.584.000.732	129.262.825.336
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.076.062.977	11.919.844.929
Lợi nhuận khác	142.949.195	162.740.397
Lợi nhuận trước thuế	14.219.012.172	12.082.585.326
Lợi nhuận sau thuế	14.219.012.172	12.082.585.326
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	16,29	16,36
+ Hệ số thanh toán nhanh:	15,50	14,78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,06	0,08
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,08
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,50	0,53
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,1%	9,3%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,0%	5,4%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,6%	5,0%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	10,9%	9,2%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
   - Cổ phần: 24.914.991 cổ phiếu
   - Cơ cấu cổ đông: Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động (MWG) nắm giữ 99,33%
   - Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:
   - Công ty không có đợt phát hành cổ phiếu, tăng vốn nào trong năm 2021.
   - Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch mua bán cổ phiếu quỹ nào trong năm 2021.
   - Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:
   Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê lại mặt bằng nên các vấn đề trọng yếu chúng tôi quan tâm bao gồm đảm bảo việc tiêu thụ điện hợp lý tại văn phòng Công ty và các chính sách liên quan tới người lao động.

   6.1 Tiêu thụ năng lượng:
   Duy trì các hoạt động và vận động nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng tại văn phòng công ty.

   6.2 Chính sách liên quan tới người lao động:
   TAG luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản Bảo hiểm bắt buộc cho toàn bộ nhân viên Công ty.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:
   Doanh thu TAG trong năm 2021 đạt 128,6 tỷ đồng đến từ hoạt động cho thuê mặt bằng, văn phòng và thương hiệu. Lợi nhuận ròng cả năm 2021 ghi nhận hơn 14,2 tỷ đồng, tăng trưởng 17,7% so với năm 2020 chủ yếu nhờ lãi tiền gửi tăng mạnh giúp doanh thu tài chính tăng hơn 16,7% so với năm 2020.

2. Tình hình tài chính:
   a. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Thay đổi
Tổng tài sản	258.789.475.198	247.003.548.048	4,8%

   b. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Thay đổi
Nợ phải trả	16.557.234.869	18.990.319.891	-12,8%
Nợ ngắn hạn	12.367.234.869	11.200.319.891	10,4%
Nợ dài hạn	4.190.000.000	7.790.000.000	-46,2%

   Nợ dài hạn vào cuối năm 2021 giảm hơn 46% so với cùng kỳ năm 2020 do các khoản thu trước tiền cho thuê cửa hàng (doanh thu chưa thực hiện dài hạn) giảm.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:
   Hoạt động kinh doanh chính của TAG trong năm 2022 vẫn chủ yếu tập trung cho thuê lại mặt bằng, văn phòng và thương hiệu. Lợi nhuận Công ty phần lớn đóng góp từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Chỉ tiêu	Năm 2022 (Đơn vị: đồng)
Doanh thu thuần	128.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế	14.200.000.000

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:
   Trong năm 2021, kết quả kinh doanh công ty đã có sự cải thiện đáng kể nhờ hoạt động cho thuê mặt bằng và cấp quyền sử dụng thương hiệu cho Công ty Cổ Phần Thế Giới Di Động ổn định. Bên cạnh đó, lãi tiền gửi tăng đáng kể giúp lợi nhuận ròng Công ty tăng trưởng 17,7% so với năm 2020.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:
   Ban giám đốc đã hoàn thành những kế hoạch đề ra theo nghị quyết của ĐHĐCĐ 2021.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:
   Năm 2022, HĐQT dự kiến kế hoạch hoạt động chung như sau:
   - Tập trung đôn đốc, giám sát việc triển khai kế hoạch để hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
   - Phối hợp với Ban Kiểm soát tăng cường việc giám sát, kiểm tra hoạt động của Ban Giám đốc.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết TAG
1	Ông Trần Kinh Doanh	Chủ tịch HĐQT	15/01/2018	0%
2	Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên HĐQT	15/01/2018	0%
3	Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	15/01/2018	0%
4	Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên HĐQT	15/01/2018	0%
5	Ông Đặng Hoàng Anh Chiến	Thành viên HĐQT	11/04/2019	0%

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

a. Các buổi họp của Hội đồng Quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Kinh Doanh	4	100%	
2	Ông Nguyễn Đức Tài	4	100%	
3	Ông Trần Huy Thanh Tùng	4	100%	
4	Ông Đặng Minh Lượm	4	100%	
5	Ông Đặng Hoàng Anh Chiến	4	100%	

b. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

- Theo dõi, nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh của công ty thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám Đốc gửi HĐQT thường kỳ và bất thường.
- Việc định hướng, giám sát của HĐQT đã giúp Ban Giám Đốc có những quyết định sáng suốt trong việc điều hành Công ty.
- Xem xét báo cáo, đánh giá Ban kiểm soát về các hoạt động của TAG.

c. Thông qua các buổi họp thường kỳ, bất thường và lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết sau:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/TAG-NQ	23/04/2021	Thông qua viêc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2021.	100%
2	02/2021/TAG-NQ	15/06/2021	Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán.	100%

Nhờ đó, tập thể Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (TAG) đã hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông trong năm 2021 giao phó.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết TAG
1	Ông Hoàng Hữu Hưng	Trưởng BKS	Cử nhân	15/01/2018	0%
2	Bà Đỗ Thị Loan	Thành viên BKS	Cử nhân	15/01/2018	0%
3	Ông Lâm Mạnh Quân	Thành viên BKS	Cử nhân	11/04/2019	0%

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

a. Các buổi họp của Ban Kiểm Soát:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hoàng Hữu Hưng	4	100%	100%	
2	Bà Đỗ Thị Loan	4	100%	100%	
3	Ông Lâm Mạnh Quân	4	100%	100%	

b. Các hoạt động của Ban Kiểm Soát:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ. Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong năm 2021.
- Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của HĐQT và BGĐ;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

2.3 Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát:

a. Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ:
Các nghị quyết được thông qua bởi ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã triển khai và thực hiện đầy đủ.

b. Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của HĐQT và Ban Giám Đốc:

- Trong năm 2021, HĐQT đã họp 4 lần, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ đúng quy định điều lệ Công ty.
- HĐQT và Ban Giám Đốc tuân thủ nghiêm các điều lệ của Công ty và pháp luật.

Kết luận: HĐQT đã thực hiện hợp lệ Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. Các Nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ theo đúng thẩm quyền, nội dung các Nghị quyết này tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam.

c. Giám sát tình hình tài chính

BKS đồng ý với ý kiến của công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young về báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Báo cáo tài chính được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng quan số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	**Năm 2021**	**Năm 2020**
Doanh thu thuần	128.584.000.732	129.262.825.336
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.076.062.977	11.919.844.929
Lợi nhuận khác	142.949.195	162.740.397
Lợi nhuận trước thuế	14.219.012.172	12.082.585.326
Lợi nhuận sau thuế	14.219.012.172	12.082.585.326

Chỉ tiêu	**Năm 2021**	**Năm 2020**
Tổng giá trị tài sản	258.789.475.198	247.003.548.048
Tổng nợ phải trả	16.557.234.869	18.990.319.891
Nợ ngắn hạn	*12.367.234.869*	*11.200.319.891*
Nợ dài hạn	*4.190.000.000*	*7.790.000.000*

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:
Thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm Soát không nhận thù lao và hoạt động của Ban Kiểm Soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Năm nay*	*VND* *Năm trước*
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Cung cấp dịch vụ	125.220.040.607	125.081.841.800
		Thu hộ	405.598.529	79.593.000

Vào ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Số cuối năm*	*VND* *Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Cung cấp dịch vụ	9.588.001.702	11.240.854.035
Phải trả ngắn hạn cho khách hàng				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Thu hộ	485.191.529	79.593.000

3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: TAG tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**201.470.788.463**	**183.181.235.248**
110	***I. Tiền***		***4.042.478.439***	***3.516.821.740***
111	1. Tiền	4	4.042.478.439	3.516.821.740
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***150.800.000.000***	***140.000.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	150.800.000.000	140.000.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***36.885.089.649***	***22.004.025.572***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20	9.588.001.702	11.240.854.035
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6.2	15.000.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6.1	12.297.087.947	10.763.171.537
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***9.743.220.375***	***17.660.387.936***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	9.093.958.157	16.955.048.932
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	56.076.786
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	649.262.218	649.262.218
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**57.318.686.735**	**63.822.312.800**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***44.254.319.436***	***44.254.319.436***
216	1. Phải thu dài hạn khác	6.3	44.254.319.436	44.254.319.436
220	***II. Tài sản cố định***		***4.021.034.033***	***6.387.160.094***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	4.021.034.033	6.387.160.094
222	Nguyên giá		22.176.571.625	22.817.849.807
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.155.537.592)	(16.430.689.713)
260	***III. Tài sản dài hạn khác***		***9.043.333.266***	***13.180.833.270***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	9.043.333.266	13.180.833.270
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**258.789.475.198**	**247.003.548.048**

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**16.557.234.869**	**18.990.319.891**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***12.367.234.869***	***11.200.319.891***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	1.034.977.423	791.240.818
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		214.359.324	214.359.324
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	106.453.700	72.589.551
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	1.620.550.249	488.837.528
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	12	3.599.999.992	3.908.408.475
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	5.760.776.428	5.694.766.442
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.117.753	30.117.753
330	***II. Nợ dài hạn***		***4.190.000.000***	***7.790.000.000***
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	12	4.190.000.000	7.790.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**242.232.240.329**	**228.013.228.157**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***14***	***242.232.240.329***	***228.013.228.157***
411	1. Vốn cổ phần		249.149.910.000	249.149.910.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*249.149.910.000*	*249.149.910.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.168.804.418	7.168.804.418
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.832.825.096)	(2.832.825.096)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		10.082.930.218	10.082.930.218
421	5. Lỗ lũy kế		(21.336.579.211)	(35.555.591.383)
421a	*- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước*		*(35.555.591.383)*	*(47.638.176.709)*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*14.219.012.172*	*12.082.585.326*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**258.789.475.198**	**247.003.548.048**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
10	**1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ**	**15.1**	**128.584.000.732**	**129.262.825.336**
11	**2. Giá vốn dịch vụ cung cấp**	**16, 17**	**(126.954.332.590)**	**(128.021.482.485)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ**		**1.629.668.142**	**1.241.342.851**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**15.2**	**12.615.501.035**	**10.806.057.901**
22	**5. Chi phí tài chính**		**(14.776)**	**(16.049)**
26	**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**17**	**(169.091.424)**	**(127.539.774)**
30	**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**14.076.062.977**	**11.919.844.929**
31	**8. Thu nhập khác**		**142.949.195**	**173.590.865**
32	**9. Chi phí khác**		**-**	**(10.850.468)**
40	**10. Lợi nhuận khác**		**142.949.195**	**162.740.397**
50	**11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**14.219.012.172**	**12.082.585.326**
51	**12. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**18.1**	**-**	**-**
60	**13. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**14.219.012.172**	**12.082.585.326**
70	**14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**19**	**573**	**487**
71	**15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**19**	**573**	**487**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**14.219.012.172**	**12.082.585.326**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	8	2.366.126.061	2.521.422.137
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.751.861.176)	(10.977.579.385)
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**3.833.277.057**	**3.626.428.078**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.656.063.119	(10.030.390.916)
11	Giảm các khoản phải trả		(2.433.085.022)	(3.518.758.829)
12	Giảm chi phí trả trước		11.998.590.779	10.995.599.925
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**15.054.845.933**	**1.072.878.258**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		136.363.636	172.727.273
23	Chi tiền gửi có kỳ hạn		(180.800.000.000)	(45.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		155.000.000.000	43.000.000.000
27	Thu lãi tiền gửi		11.134.447.130	2.155.090.467
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(14.529.189.234)**	**327.817.740**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**525.656.699**	**1.400.695.998**
60	**Tiền đầu năm**		**3.516.821.740**	**2.116.125.742**
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**4.042.478.439**	**3.516.821.740**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102004703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 3 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty trước đây được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ("HNX"). Công ty chính thức hủy niêm yết tự nguyện vào ngày 17 tháng 9 năm 2018 với sự chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHN vào ngày 12 tháng 9 năm 2018.

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty được đăng ký trên Thị trường Công ty Đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") với mã TAG theo Thông báo số 2846/TB-VSD của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") ngày 14 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cho thuê mặt bằng, kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1174, Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 - 8 năm

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.8 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê, ngoại trừ các khoản thu nhập cho thuê bất thường được ghi nhận khi phát sinh.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi ngân hàng	4.042.478.439	3.516.821.740

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn gốc dưới 12 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU KHÁC

6.1 *Phải thu ngắn hạn khác*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu lãi tiền gửi	12.243.962.739	10.762.912.329
Khác	53.125.208	259.208
TỔNG CỘNG	**12.297.087.947**	**10.763.171.537**

6.2 *Phải thu về cho vay ngắn hạn*

Khoản phải thu cho vay tín chấp ngắn hạn thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) vay với kỳ hạn 3 tháng và được hưởng lãi suất áp dụng.

6.3 *Phải thu dài hạn khác*

Phải thu dài hạn khác thể hiện các khoản đặt cọc thuê các cửa hàng của Công ty.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn thể hiện các khoản tiền thuê cửa hàng.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	22.817.849.807
Thanh lý	(641.278.182)
Số cuối năm	22.176.571.625
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	*4.255.194.533*
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	(16.430.689.713)
Khấu hao trong năm	(2.366.126.061)
Thanh lý	641.278.182
Số cuối năm	(18.155.537.592)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	6.387.160.094
Số cuối năm	4.021.034.033

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả bên khác	549.785.894	711.647.818
- *Công ty Cổ phần Thiết kế Lục Giác*	*40.778.723*	*202.640.650*
- *Khác*	*509.007.171*	*509.007.168*
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 20)*	485.191.529	79.593.000
TỔNG CỘNG	**1.034.977.423**	**791.240.818**

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng*	*Giảm*	*Số cuối năm*
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	13.870.756.601	(13.764.302.901)	106.453.700

Khác	72.589.551	3.000.000	(75.589.551)	-
TỔNG CỘNG	**72.589.551**	**13.873.756.601**	**(13.839.892.452)**	**106.453.700**
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	56.076.786	12.668.651.875	(12.724.728.661)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	649.262.218	-	-	649.262.218
TỔNG CỘNG	**705.339.004**	**12.668.651.875**	**(12.724.728.661)**	**649.262.218**

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí thuê	1.502.366.444	422.653.696
Khác	118.183.805	66.183.832
TỔNG CỘNG	**1.620.550.249**	**488.837.528**

12. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn thể hiện các khoản thu trước tiền cho thuê cửa hàng.

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Kinh phí công đoàn	2.447.486.741	2.447.486.741
Nhận ký quỹ	959.686.329	959.686.329
Khác	2.353.603.358	2.287.593.372
TỔNG CỘNG	**5.760.776.428**	**5.694.766.442**

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lỗ lũy kế*	*Tổng cộng*
Năm trước						
Số đầu năm	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.832.825.096)	10.082.930.218	(47.638.176.709)	215.930.642.831
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	12.082.585.326	12.082.585.326
Số cuối năm	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.832.825.096)	10.082.930.218	(35.555.591.383)	228.013.228.157
Năm nay						
Số đầu năm	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.832.825.096)	10.082.930.218	(35.555.591.383)	228.013.228.157
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	14.219.012.172	14.219.012.172
Số cuối năm	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.832.825.096)	10.082.930.218	(21.336.579.211)	242.232.240.329

14.2 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số đầu năm	*Số cuối năm*
Cổ phiếu đã được duyệt	24.914.991	24.914.991
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ		
Cổ phiếu phổ thông	*24.914.991*	*24.914.991*
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	*(116.914)*	*(116.914)*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*24.798.077*	*24.798.077*

15. DOANH THU

15.1 *Doanh thu dịch vụ cung cấp*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu thuần	**128.584.000.732**	**129.262.825.336**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 20)	*125.220.040.607*	*125.081.841.800*
Doanh thu đối với bên khác	*3.363.960.125*	*4.180.983.536*

15.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi	12.316.463.294	10.804.852.112
Lãi cho vay	299.034.246	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hoái đối	3.495	1.205.789
TỔNG CỘNG	**12.615.501.035**	**10.806.057.901**

16. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn dịch vụ cung cấp	126.954.332.590	128.021.482.485

17. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuê cửa hàng	124.263.622.601	124.905.598.719
Chi phí khấu hao *(Thuyết minh số 8)*	2.366.126.061	2.521.422.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.025.352	717.452.402
Khác	7.650.000	4.549.001
TỔNG CỘNG	**127.123.424.014**	**128.149.022.259**

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**14.219.012.172**	**12.082.585.326**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.843.802.434	2.416.517.065
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	-	4.070.094
Lỗ năm trước chuyển sang	(2.843.802.434)	(2.420.587.159)
Chi phí thuế TNDN	**-**	**-**

18.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 10.226.587.262 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 24.445.599.434 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021*
2018	2023	46.920.164.130	(36.693.576.868)	-	10.226.587.262

Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty như trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần lỗ lũy kế và chênh lệch tạm thời do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

19. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	14.219.012.172	12.082.585.326
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	24.798.077	24.798.077
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**573**	**487**
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**573**	**487**

20. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Cung cấp dịch vụ	125.220.040.607	125.081.841.800
		Thu hộ	405.598.529	79.593.000

Vào ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Cung cấp dịch vụ	9.588.001.702	11.240.854.035
Phải trả ngắn hạn cho khách hàng				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Thu hộ	485.191.529	79.593.000

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	128.240.720.501	135.307.884.686
Từ 1 đến 5 năm	248.923.349.717	356.347.831.121
Trên 5 năm	111.322.832.852	139.858.671.463
TỔNG CỘNG	**488.486.903.070**	**631.514.387.270**

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	128.449.447.102	135.216.348.517
Từ 1 đến 5 năm	241.978.597.673	353.929.619.101
Trên 5 năm	98.094.732.757	122.552.264.983
TỔNG CỘNG	**468.522.777.532**	**611.698.232.601**

22. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính này.

23. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG HOÀNG ANH CHIẾN